

BIỂU SỐ 25/2019
THỐNG KÊ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO
TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP THUỘC
THẨM QUYỀN CỦA VIỆN KIỂM SÁT

Thống kê kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của VKS thực hiện theo *Quy chế 51 và Quy trình 546*.

Một đơn chỉ có một nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS thì thống kê 01 đơn và 01 việc; Đối với đơn có nhiều nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát cấp mình thì thống kê 01 đơn và số việc tương ứng với từng nội dung (Ví dụ : 1 đơn có 3 nội dung khác nhau thì thống kê 01 đơn và 03 việc); Đối với đơn gửi đến từ nhiều nguồn khác nhau nhưng có cùng nội dung phải xử lý thì thống kê số đơn tương ứng đã nhận và 01 việc.

I. Phần hướng dẫn theo cột:

1. Khiếu nại:

- **Cột 3 (Khiếu nại QĐ, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT, KSHĐTP):** Thống kê đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT và KSHĐ tư pháp trong tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, và đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong KSHĐ tư pháp trong tố tụng dân sự, hành chính, thi hành án dân sự, hành chính (Điểm a Khoản 1 Điều 29 Luật Tổ chức VKSND 2014)

- **Cột 4 (Khiếu nại về hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra VKSNDTC):** Thống kê khiếu nại về hoạt động điều tra của Cục Điều tra VKSNDTC.

- **Cột 5 (Khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra):** Thống kê số khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn (Khoản 1 Điều 475 Bộ Luật TTHS)

- **Cột 6 (Khiếu nại quyết định, hành vi của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của cấp trưởng cơ quan có nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển... (Khoản 2 Điều 475 Bộ luật TTHS).

- **Cột 7 (Khiếu nại liên quan đến việc bắt, tạm giữ, tạm giam):** Thống kê khiếu nại đối với việc bắt, tạm giữ, tạm giam của những người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành (Điều 474 BLTTHS).

- **Cột 8 (Khiếu nại liên quan đến thi hành án hình sự):** Thống kê khiếu nại liên quan đến thi hành án hình sự của những người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành (Điều 168, Khoản 8 Điều 178 Luật THAHS).

- **Cột 9 (Khiếu nại liên quan đến thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác):** (Khoản 6 Điều 12 Quy chế 51).

- **Cột 10 (Các khiếu nại khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê khiếu nại khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát nhưng không thuộc nội dung từ cột 3 đến cột 7 được thông kê vào nội dung này.

- **Cột 11 (Tổng số):** Thống kê tổng số các loại khiếu nại bao gồm:

$$Cột\ 11 = cột\ 3 + cột\ 4 + cột\ 5 + cột\ 6 + cột\ 7 + cột\ 8 + cột\ 9 + cột\ 10$$

2. Tổ cáo:

Cột 12 (Tổ cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong THQCT, KSHĐTP): Thống kê tổ cáo về hành vi của cán bộ, những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp (Điểm a Khoản 2 Điều 29 Luật Tổ chức VKSND 2014)

- **Cột 13 (Tổ cáo hành vi vi phạm của người được tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê tổ cáo về hành vi vi phạm của người có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Khoản 1 Điều 481 BLTTHS).

- **Cột 14 (Tổ cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền bắt, tạm giữ, tạm giam):** Thống kê tổ cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam (Khoản 4 Điều 481 BLTTHS).

- **Cột 15 (Tổ cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong THA hình sự):** Thống kê tổ cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Điều 168, Khoản 1 Điều 192 Luật THAHS).

Cột 16 (Tổ cáo liên quan đến thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác): Thống kê tổ cáo liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác (Khoản 6 Điều 15 Quy chế 51).

- **Cột 17 (Các loại tổ cáo khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê tổ cáo khác ngoài các loại tổ cáo từ cột 12 đến cột 16 và thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND.

- **Cột 18 (Tổng số):** Tổng số các loại tổ cáo bao gồm:

$$Cột\ 18 = Cột\ 12 + cột\ 13 + cột\ 14 + cột\ 15 + cột\ 16 + cột\ 17$$

3. Các loại đơn, yêu cầu, tố giác khác:

- **Cột 19 (Đơn đề nghị, kiến nghị phản ánh và các loại khác):** Thống kê đơn kiến nghị phản ánh, yêu cầu...thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND.

- **Cột 20 (Yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra):** Thống kê yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS.

- **Cột 21 (Tố giác tội phạm trong hoạt động tư pháp):** Thống kê tố giác tội phạm trong hoạt động tư pháp.

- **Cột 22 (Tổng cộng):** Tổng số khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND, bao gồm:

$$\text{Cột 22} = \text{cột 11} + \text{cột 18} + \text{cột 19} + \text{cột 20} + \text{cột 21}.$$

II. Phần hướng dẫn theo dòng:

- **Dòng 1, 2 (Số đơn/việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS mà kỳ trước chưa giải quyết xong chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 3, 4 (Số đơn/việc mới thụ lý):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình) mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5, 6 (Số đơn/việc do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến và VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7, 8 (Tổng số đơn/việc thụ lý):** Thống kê số đơn/việc thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), bao gồm số cũ và số mới thụ lý.

$$D7 = D1 + D3 ; D8 = D2 + D4$$

- **Dòng 9, 10 (Tổng số đơn/việc đã giải quyết):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) đã giải quyết xong trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Tr.đó: Quyết định đình chỉ):** Thống kê số khiếu nại, tố cáo VKS đã giải quyết bằng hình thức ra quyết định đình chỉ giải quyết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12 (Trả lời bằng văn bản hoặc ra Quyết định giải quyết):** Thống kê số khiếu nại, tố cáo, yêu cầu, kiến nghị, phản ánh mà VKS đã giải quyết bằng hình thức trả lời bằng văn bản hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Kết luận nội dung tố cáo):** Thống kê số tố cáo mà VKS đã giải quyết bằng hình thức ra Kết luận nội dung tố cáo trong kỳ thống kê.

- **Dòng 14 (QĐ xử lý hành vi vi phạm pháp luật):** Thống kê số tố cáo đã giải quyết bằng hình thức ra Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Số việc khiếu nại, tố cáo đúng):** Thống kê số khiếu nại, tố cáo đúng tương ứng cụ thể với từng loại khiếu nại, tố cáo.

- **Dòng 16 (Tr.đó: Số việc khiếu nại, tố cáo đúng một phần):** Thống kê số khiếu nại, tố cáo đúng một phần tương ứng cụ thể với từng loại khiếu nại, tố cáo.

- **Dòng 17 (Số việc khiếu nại, tố cáo sai):** Thống kê số khiếu nại, tố cáo sai tương ứng cụ thể với từng loại khiếu nại, tố cáo.

- **Dòng 18, 19 (Số đơn/việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

$$D18 = D7 - D9 ; D19 = D8 - D10$$

- **Dòng 20, 21 (Tr.đó: Số đơn/việc quá hạn luật định):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và đã quá hạn luật định.

- **Dòng 22 (Số đơn đề nghị kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật):** Thống kê số đơn đề nghị kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKSND (đơn vị mình) đã nhận (Điều 12 Quy trình 546).

- **Dòng 23 (Số bản kết luận kiểm tra QĐ giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật):** Thống kê số bản kết luận kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKSND đã có sau khi tiến hành kiểm tra (Khoản 2 Điều 15 Quy trình 546).

- **Dòng 24 (Tr. đó: Ban hành quyết định hủy bỏ):** Thống kê số quyết định hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKS có thẩm quyền kiểm tra đã ban hành (Khoản 2 Điều 15 Quy trình 546).

- **Dòng 25 (Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật):** Thống kê số bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKS kiểm tra đã ban hành (Khoản 2 Điều 15 Quy trình 546).